

Số: 161 /QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết
thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 5745/TTr-SGDĐT ngày 12 tháng 12 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này **126** quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo, gồm:

1. Quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc địa giới hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh: 97 quy trình.

2. Quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc địa giới hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã: 29 quy trình.

Danh mục và nội dung chi tiết của các quy trình nội bộ được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <https://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/KenhTin/Quy-trinh-noi-bo-TTHC.aspx>.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố cấu hình quy trình điện tử đối với thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt trên Hệ thống Thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp tục theo dõi, kịp thời tham mưu điều chỉnh quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính khi văn bản quy định thủ tục hành chính được ban hành mới, thay thế, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ.

3. Cơ quan, đơn vị thực hiện thủ tục hành chính có trách nhiệm:

a) Tuân thủ theo quy trình nội bộ, quy trình điện tử đã được phê duyệt khi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức; không tự đặt thêm thủ tục, giấy tờ ngoài quy định pháp luật.

b) Thường xuyên rà soát, cập nhật các quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính được phê duyệt mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ để triển khai thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ các quy trình nội bộ đã được phê duyệt trước đây đối với thủ tục hành chính nêu tại danh mục kèm theo Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Trung tâm Chuyển đổi Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC);
- TTUB: CT; các PCT;
- VPUB: CVP, PCVP/VX;
- Trung tâm TTĐT TP;
- Trung tâm PV HCC TP;
- Lưu: VT, (KSTT/HN).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Mạnh Cường



**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

DANH MỤC

**Quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính
không phụ thuộc vào địa giới hành chính
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 161 /QĐ-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

STT	Tên quy trình nội bộ, quy trình điện tử
A. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh	
I. Lĩnh vực Cơ sở giáo dục khác	
1.	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông chuyên
2.	Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động giáo dục
3.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học
4.	Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động trở lại
5.	Sáp nhập, chia, tách trường trung học phổ thông chuyên
6.	Giải thể trường trung học phổ thông chuyên (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)
7.	Điều chỉnh, bổ sung, gia hạn giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học
8.	Đề nghị được kinh doanh dịch vụ tư vấn du học trở lại
9.	Cho phép trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao hoạt động giáo dục
10.	Cho phép trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao hoạt động giáo dục trở lại

STT	Tên quy trình nội bộ, quy trình điện tử
11.	Sáp nhập, chia, tách trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao
12.	Giải thể trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)
13.	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường dành cho người khuyết tật
14.	Cho phép trường dành cho người khuyết tật hoạt động giáo dục
15.	Cho phép trường dành cho người khuyết tật hoạt động giáo dục trở lại
16.	Sáp nhập, chia, tách trường dành cho người khuyết tật
17.	Giải thể trường dành cho người khuyết tật (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)
18.	Thành lập hoặc cho phép thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường trung học phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông
19.	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao
II. Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp	
20.	Công nhận Giám đốc Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp tư thục
21.	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục nghề nghiệp cho người khuyết tật, phân hiệu của trường trung cấp tư thục
22.	Chia, tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
23.	Cho phép giải thể trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
24.	Cho phép chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp tư thục

STT	Tên quy trình nội bộ, quy trình điện tử
	trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
25.	Cho phép đổi tên trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
26.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp
27.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp
28.	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài
29.	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận
30.	Chia, tách, sáp nhập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài
31.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp
32.	Cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài
33.	Giải thể trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài
34.	Đổi tên trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài
35.	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực hoạt động không vì lợi nhuận

STT	Tên quy trình nội bộ, quy trình điện tử
36.	Công nhận trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục; trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển sang hoạt động không vì lợi nhuận
37.	Thành lập phân hiệu của trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp tư thục trên địa bàn
38.	Chấm dứt hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài của trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp
39.	Công nhận hội đồng quản trị trường trung cấp tư thục
40.	Thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng quản trị trường trung cấp tư thục; chấm dứt hoạt động hội đồng quản trị
41.	Công nhận Hiệu trưởng trường trung cấp tư thục
42.	Thôi công nhận Hiệu trưởng trường trung cấp tư thục
43.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường cao đẳng
44.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường cao đẳng
45.	Thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam
46.	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn và cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam
III. Lĩnh vực Giáo dục thường xuyên	
47.	Sáp nhập, chia, tách trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên

STT	Tên quy trình nội bộ, quy trình điện tử
48.	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên
49.	Cho phép trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên hoạt động trở lại
50.	Cho phép thành lập trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thực
51.	Cho phép trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thực hoạt động trở lại
52.	Sáp nhập, chia, tách trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thực
53.	Giải thể trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thực (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập)
54.	Cho phép thành lập trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên tư thực
55.	Cho phép trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tư thực hoạt động trở lại
56.	Sáp nhập, chia, tách trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên tư thực
57.	Giải thể trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tư thực
58.	Giải thể trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm)
IV. Lĩnh vực Giáo dục trung học	
59.	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông

STT	Tên quy trình nội bộ, quy trình điện tử
60.	Cho phép trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục
61.	Sáp nhập, chia, tách trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông
62.	Giải thể trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)
63.	Cho phép trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục trở lại
V. Lĩnh vực Giáo dục, đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	
64.	Xét, cấp học bổng chính sách (đối với sinh viên theo chế độ cử tuyển sinh viên trường cao đẳng trừ sinh viên trường cao đẳng sư phạm)
65.	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia
66.	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia
67.	Công nhận trường trung học đạt chuẩn quốc gia
68.	Đề nghị đánh giá, công nhận “Đơn vị học tập” cấp tỉnh
69.	Phê duyệt Đề án dạy và học bằng tiếng nước ngoài
70.	Gia hạn hoặc điều chỉnh Đề án dạy và học bằng tiếng nước ngoài
71.	Chấm dứt hoạt động của Đề án dạy và học bằng tiếng nước ngoài
VI. Lĩnh vực Giáo dục, đào tạo với nước ngoài	
72.	Phê duyệt liên kết giáo dục
73.	Gia hạn, điều chỉnh hoạt động liên kết giáo dục

STT	Tên quy trình nội bộ, quy trình điện tử
74.	Chấm dứt hoạt động liên kết giáo dục theo đề nghị của các bên liên kết
75.	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam
76.	Cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam
77.	Cho phép hoạt động giáo dục trở lại đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam
78.	Bổ sung, điều chỉnh quyết định cho phép hoạt động giáo dục trở lại đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam
79.	Đăng ký hoạt động của Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam
80.	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam
81.	Chấm dứt hoạt động cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam
82.	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận
83.	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam theo đề nghị của cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ
84.	Giải thể, chấm dứt cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ thành lập

STT	Tên quy trình nội bộ, quy trình điện tử
85.	Chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non tư thục do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị sang cơ sở giáo dục mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận
86.	Chuyển đổi cơ sở giáo dục phổ thông tư thục do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị sang cơ sở giáo dục phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận
87.	Phê duyệt liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài
88.	Thành lập văn phòng đại diện của cơ sở giáo dục nước ngoài tại Việt Nam
89.	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn Quyết định cho phép thành lập Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam
90.	Chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam theo đề nghị của tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài thành lập văn phòng đại diện
VII. Lĩnh vực Kiểm định chất lượng giáo dục	
91.	Cấp chứng nhận chất lượng giáo dục đối với trung tâm giáo dục thường xuyên
92.	Cấp chứng nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục
93.	Cấp chứng nhận trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục
94.	Cấp chứng nhận trường trung học đạt kiểm định chất lượng giáo dục
VIII. Lĩnh vực Văn bằng, chứng chỉ	
95.	Công nhận bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam

STT	Tên quy trình nội bộ, quy trình điện tử
96.	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc (cấp tỉnh)
97.	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ (cấp tỉnh)
B. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã	
I. Lĩnh vực Cơ sở giáo dục khác	
1.	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học
2.	Thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện các chương trình xóa mù chữ và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở
II. Lĩnh vực Giáo dục, đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	
3.	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận
4.	Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận
III. Lĩnh vực Giáo dục mầm non	
5.	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ
6.	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục
7.	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ

STT	Tên quy trình nội bộ, quy trình điện tử
8.	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại
9.	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)
10.	Thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập
11.	Cho phép cơ sở giáo dục mầm non độc lập hoạt động trở lại
12.	Sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục mầm non độc lập
13.	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non độc lập (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)
IV. Lĩnh vực Giáo dục tiểu học	
14.	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học
15.	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục
16.	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học
17.	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại
18.	Giải thể trường tiểu học (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)
V. Lĩnh vực Giáo dục trung học	
19.	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở
20.	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục
21.	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở

STT	Tên quy trình nội bộ, quy trình điện tử
22.	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục trở lại
23.	Giải thể trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (Theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)
VI. Lĩnh vực Giáo dục thường xuyên	
24.	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm học tập cộng đồng
25.	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại
26.	Sáp nhập, chia, tách trung tâm học tập cộng đồng
27.	Giải thể trung tâm học tập cộng đồng (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm)
VII. Lĩnh vực Văn bằng, chứng chỉ	
28.	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc (cấp xã)
29.	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ (cấp xã)